

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC
VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG QUÝ 3 NĂM 2021 (Lần 1)**

(Kèm Theo Thông báo số 2516/TB-ĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
1	1	Nguyễn Thanh Trúc	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng	100		x			
2	2	Nguyễn Thị Tĩnh	Hội đồng Trường	CT HĐ Trường	100		x			
3	3	Nguyễn Văn Nam	Ban Giám hiệu	Phó Hiệu trưởng	104	x				
4	4	Lê Đức Niêm	Ban Giám hiệu	Phó Hiệu trưởng	105	x				
5	1	Phùng Minh Lương	Khoa Y Dược	Trưởng khoa	100		x			
6	2	Lê Thị Kim Hồng	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			
7	3	Phan Vũ Nguyên	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			
8	4	Tạ Văn Quyết	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	96		x			
9	5	Trần Công Loan	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
10	6	Hoàng Thị Thanh Thảo	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
11	7	Vũ Thị Duyên	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	98		x			
12	8	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
13	9	Hà Thị Thanh Trang	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
14	10	Nguyễn Thị Kim Quyên	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
15	11	Chu Thị Giang Thanh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
16	12	Ngư Danh Sơn	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
17	13	Phan Thị Huyền Trang	Khoa Y Dược	Giảng Viên	100		x			
18	14	Lê Thị Thảo	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
19	15	Vũ Thị Thu Hường	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
20	16	Lê Thị Kim Quyên	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			ĐHNN
21	17	Phan Thị Kim Phụng	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
22	18	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
23	19	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
24	20	Trần Thị Minh Tâm	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
25	21	Trần Thị Nguyên Đăng	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
26	22	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
27	23	Ngô Thị Ngọc Yến	Khoa Y Dược	Trưởng bộ môn	100		x			ĐHNN
28	24	Nguyễn Duy Thịnh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
29	25	Phạm Thị Quỳnh My	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
30	26	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
31	27	Phương Minh Hải	Khoa Y Dược	Giám đốc BV	105	x				
32	28	Lê Phú Tiến	Khoa Y Dược	Nhân viên	100		x			
33	29	Nguyễn Đăng Đức	Khoa Y Dược	Phó GD BV	105	x				
34	30	Trần Thị Bích Dân	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	98		x			
35	31	Phan Thị Xuân An	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	98		x			
36	32	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	99		x			
37	33	Lê Hồng Ngân	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
38	34	Nguyễn Thị Hoàng An	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
39	35	Lê Thị Thùy Ngân	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
40	36	Lưu Thị Dung	Khoa Y Dược	Chuyên viên	100		x			
41	37	Nguyễn Quốc Cường	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	95		x			
42	38	Võ Văn Toàn	Khoa Y Dược	Giảng viên chính	100		x			
43	39	Nguyễn Thị Bích Trang	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			
44	40	Nguyễn mạnh Tuyến	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
45	41	Phùng Thị Mỹ Dung	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
46	42	Trần Ngọc Tuyền	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
47	43	Huỳnh Thị Hồng Hằng	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
48	44	Hoàng Thị Chiến	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
49	45	Trịnh Bá Hùng Mạnh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
50	46	Trần Song Ngọc Châu	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
51	47	Nguyễn Hoàng Mai Uyên	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
52	48	Đào Trúc Quỳnh Giang	Khoa Y Dược	Trợ giảng	100		x			
53	49	Đặng Thị Xuyến	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
54	50	Nguyễn Thị Bích Thủy	Khoa Y Dược	Trưởng bộ môn	100		x			
55	51	Lê Thị Mơ	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
56	52	Nguyễn Nhật Hùng	Khoa Y Dược	TK BV	100		x			
57	53	Đinh Hữu Hùng	Khoa Y Dược	Phó Trưởng Khoa	100		x			
58	54	Tào Thị Hoa	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
59	55	Trương Thị Ánh Linh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
60	56	Nguyễn Đức Minh Dũng	Khoa Y Dược	Trợ giảng	100		x			
61	57	Nguyễn Đức Hải	Khoa Y Dược	Giảng Viên	100		x			
62	58	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y Dược	Trưởng Bộ môn	100		x			
63	59	Nguyễn Đức Vương	Khoa Y Dược	Giảng viên	90		x			
64	60	Đào Thị Mỹ Châu	Khoa Y Dược	trợ giảng	95		x			
65	61	Bùi Quang Chiến	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
66	62	Lê Anh Tuấn	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
67	63	Tô Hoài Tường	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
68	64	Nguyễn Nam Chung	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
69	65	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
70	66	Huỳnh Anh Tuấn	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
71	67	Trương Ngô Ngọc Lan	Khoa Y Dược	Trưởng bộ môn	95		x			
72	68	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Khoa Y Dược	giảng viên	100		x			
73	69	Sử Thị Như Ngọc	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
74	70	Lê Thị Lệ Thủy	Khoa Y Dược	Giảng viên	99		x			
75	71	Nguyễn Bích Vân	Khoa Y Dược	Giảng viên	101	x				
76	72	Võ Ngọc Hân	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
77	73	Văn Hữu Tài	Khoa Y Dược	Giảng viên chính	100		x			
78	74	Lê Thị Yến Linh	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
79	75	Nguyễn Văn Long	Khoa Y Dược	Phó trưởng BM	100		x			
80	76	Nguyễn Hạnh My	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
81	77	Nguyễn Thanh Hiệp	Khoa Y Dược	Giảng Viên	100		x			
82	78	Nguyễn Văn Thành	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
83	79	Võ Thị Kim Quyên	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	92		x			
84	80	Lê Ngọc Đan Châu	Khoa Y Dược	giảng viên	95		x			
85	81	Mai Ngọc Ba	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
86	82	Đinh Thị Ngọc Lệ	Khoa Y Dược	Giảng viên	95		x			
87	83	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			
88	84	Nguyễn Tiến Công	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
89	85	Hồ Thị Thủy	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	80			x		
90	86	Phạm Thị Diệu Linh	Khoa Y Dược	Giảng viên	96		x			
91	87	Ngô Minh Trung	Khoa Y Dược	Giảng viên chính	100		x			
92	88	Trần Cẩm Duyên	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
93	89	Mai Quang Hoàn	Khoa Y Dược	Giảng viên	102	x				
94	90	Ninh Thị Kim Loan	Khoa Y Dược	Chuyên viên	101	x				
95	91	Nguyễn Thị Bích Nguyên	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
96	92	Lã Quý Xá	Khoa Y Dược	Chuyên viên	101	x				
97	93	Hoàng Thị Ánh Tuyết	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
98	94	Thân Trọng Quang	Khoa Y Dược	Trưởng bộ môn	100		x			
99	95	Phan Văn Trọng	Khoa Y Dược	Giảng viên cao cấp	95		x			
100	96	Dương Bảo Khánh	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
101	97	Đặng Thị Nhài	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
102	98	Hoàng Thị Ngọc Diệp	Khoa Y Dược	Giảng viên	98		x			
103	99	Võ Trần Quốc Việt	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
104	100	Phan Hoàng Thái Bảo	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
105	101	Nguyễn Thị Vân Dung	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
106	102	Trịnh Ngọc Thảo Vy	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
107	103	Trịnh Duy Linh	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	100		x			
108	104	Lê Hồng Thùy	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
109	105	Lê Thị Xuân Quyên	Khoa Y Dược	Giảng Viên	100		x			
110	106	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Y Dược	Trợ giảng	100		x			
111	107	Nguyễn Thị Hoa	Khoa Y Dược	Kỹ thuật viên	101	x				
112	108	Thái Quang Hùng	Khoa Y Dược	Phó Trưởng Khoa	100		x			
113	109	Nguyễn Thị Pháp	Khoa Y Dược	Giảng viên	100		x			
114	110	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Y Dược	Phó bộ môn	100		x			
115	111	Nguyễn Phan Vân Anh	Khoa Y Dược	Trợ giảng	90		x			ĐHNN

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
116	112	Võ Thị Sương	Khoa Y Dược	Giảng viên	89			x		
117	1	Vũ Kim Tuyến	Bệnh viện Trường	Dược sỹ	90		x			
118	2	Mai Hải Đường	Bệnh viện Trường	Dược sỹ	95		x			
119	3	Nông Ngọc Sơn	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	90		x			
120	4	Phạm Thị Thu Hiền	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	90		x			
121	5	Lương Thị Hòa	Bệnh viện Trường	Trưởng khoa BV	95		x			
122	6	Lê Thị Phụng	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
123	7	Trần Thị Diễm Đoan	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
124	8	Nguyễn Thị Tô Kha	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
125	9	Nguyễn Ngọc Hương	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
126	10	Nguyễn Hữu Phước	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	100		x			
127	11	Trần Đào Minh Ngọc	Bệnh viện Trường	Trưởng khoa	98		x			
128	12	Phạm Văn Quảng	Bệnh viện Trường	Kỹ thuật viên	95		x			
129	13	Nguyễn Văn Dũng	Bệnh viện Trường	Trưởng khoa	96		x			
130	14	Nguyễn Thị Diệu Trang	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	96		x			
131	15	Nguyễn Thị Thùy Trang	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	90			x		
132	16	Võ Thị Ngọc Phượng	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
133	17	Trần Thị Lệ Quyên	Bệnh viện Trường	Kỹ thuật viên	96		x			
134	18	Nguyễn Thị Lệ	Bệnh viện Trường	Trưởng khoa	100		x			
135	19	Phạm Thị Minh Thương	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
136	20	Nguyễn Thị Thu Thảo	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
137	21	Nguyễn Thị Hương	Bệnh viện Trường	Phó Trưởng Khoa	97		x			
138	22	Trần Thị Thủy Dung	Bệnh viện Trường	Hộ sinh trưởng	95		x			
139	23	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Bệnh viện Trường	Nữ hộ sinh	95		x			
140	24	Vũ Thị Nga	Bệnh viện Trường	Nữ hộ sinh	70			x		
141	25	Phạm Thị Lan	Bệnh viện Trường	Nữ hộ sinh	95		x			
142	26	Lương Thị Kim Hoa	Bệnh viện Trường	Phó Trưởng phòng	100		x			
143	27	Nguyễn Đặng Hoàng Thi	Bệnh viện Trường	Chuyên viên	95		x			
144	28	Phạm Thế Huy	Bệnh viện Trường	Nhân viên	95		x			
145	29	Phạm Huy Trung	Bệnh viện Trường	Nhân viên	95		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
146	30	Nguyễn Đức Hoanh	Bệnh viện Trường	TP	100		x			
147	31	Nguyễn Thị Ngọc	Bệnh viện Trường	Phó Trưởng phòng	99		x			
148	32	Nguyễn Thị Thanh Bình	Bệnh viện Trường	Nhân viên	100		x			
149	33	Huỳnh Thị Thu Huyền	Bệnh viện Trường	Trương	98		x			
150	34	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Bệnh viện Trường	Hộ lý	96		x			
151	35	Lê Thị Thủy Cúc	Bệnh viện Trường	Hộ lý	96		x			
152	36	Trần Thị Kim Liên	Bệnh viện Trường	Hộ lý	96		x			
153	37	Lê Thị Phương	Bệnh viện Trường	Trưởng phòng	100		x			
154	38	Nguyễn Kim Oanh	Bệnh viện Trường	Y sỹ	90		x			
155	39	Lương Văn Hoạt	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
156	40	Đặng Quang Định	Bệnh viện Trường	Điều dưỡng	95		x			
157	1	Nguyễn Văn Diên	K. Chăn nuôi Thú y	Trưởng khoa	100		x			
158	2	Phạm Thế Huệ	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	100		x			
159	3	Trương Tấn Khanh	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	95		x			
160	4	Đinh Nam Lâm	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên chính	95		x			
161	5	Trần Quang Hạng	K. Chăn nuôi Thú y	Phó Trưởng Khoa	103	x				
162	6	Trần Quang Hân	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	95		x			
163	7	Nguyễn Quốc Hiếu	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	103	x				
164	8	Hoàng Thị Anh Phương	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	102	x				
165	9	Đặng Thị Phương Thảo	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	99		x			
166	10	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	K. Chăn nuôi Thú y	Kỹ thuật viên	98		x			
167	11	Phạm Thị Tú Anh	K. Chăn nuôi Thú y	Kỹ thuật viên	102	x				
168	12	Trần Thị Thanh Vân	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	101	x				
169	13	Lê Anh Dương	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên chính	102	x				
170	14	Nguyễn Văn Thái	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	102	x				
171	15	Ngô Thị Kim Chi	K. Chăn nuôi Thú y	Chuyên viên	101	x				
172	16	Mai Thị Xoan	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	95		x			
173	17	Nguyễn Thị Rí	K. Chăn nuôi Thú y	Kỹ thuật viên	100		x			
174	18	Mai Thị Thu Hiền	K. Chăn nuôi Thú y	Kỹ thuật viên	102	x				
175	19	Lương Huỳnh Việt Thắng	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	91		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
176	20	Nguyễn Văn Trọng	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	102	x				
177	21	Nguyễn Đức Điện	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	102	x				
178	22	Nguyễn Ngọc Đình	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	105	x				
179	23	Nguyễn Thị Vân Anh	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	102	x				
180	24	Trần Thị Thắm	K. Chăn nuôi Thú y	Kỹ thuật viên	100		x			
181	25	Bùi Thị Như Linh	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	100		x			
182	26	Vũ Tiến Quang	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên	100		x			
183	27	Nguyễn Mạnh Thuật	K. Chăn nuôi Thú y		99		x			
184	28	Trần Minh Đức	K. Chăn nuôi Thú y		98		x			
185	29	Bùi Thị Thanh	K. Chăn nuôi Thú y	Chuyên viên				x		
186	30	Đoàn Thị Kim Phượng	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên						ĐHNN
187	31	Nguyễn Văn Lanh	K. Chăn nuôi Thú y	Giảng viên						ĐHNN
188	1	Nguyễn Minh Hải	Khoa LLCT	Trưởng Khoa	102	x				
189	2	Nguyễn Khắc Trinh	Khoa LLCT	Phó Trưởng Khoa	101	x				
190	3	Nguyễn Thị Khuyên	Khoa LLCT	Trưởng BM	100	x				
191	4	Lại Thị Ngọc Hạnh	Khoa LLCT	Giảng viên chính	101	x				
192	5	Phan Thị Như Ý	Khoa LLCT	Chuyên viên	97		x			
193	6	Phạm Phương Anh	K.LLCT	Giảng viên chính	105	x				
194	7	Vũ Thị Việt Anh	K.LLCT	Giảng viên chính	103	x				
195	8	Nguyễn Quang Dương	K.LLCT	Giảng viên	101	x				
196	9	Đặng Nguyên Hà	K.LLCT	Giảng viên chính	99		x			
197	10	Lê Thị Hồng Hạnh	K.LLCT	Giảng viên	102	x				
198	11	Nguyễn Đình Huân	K.LLCT	Giảng viên	104	x				
199	12	Nguyễn Bảo Lâm	K.LLCT	Giảng viên	99		x			
200	13	Nguyễn Thị Thu Nguyên	K.LLCT	Giảng viên chính	98		x			
201	14	Phạm Thị Tâm	K.LLCT	Giảng viên	103	x				
202	15	Trương Văn Thủy	K.LLCT	Giảng viên	106	x				
203	16	Nguyễn Thị Hải Yến	K.LLCT	Giảng viên chính	101	x				
204	1	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				
205	2	Dương Thị Ái Nhi	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
206	3	Đỗ Thị Nga	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				
207	4	Ao Xuân Hoà	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	104	x				
208	5	Trương Văn Thảo	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
209	6	Nguyễn Thị Minh Phương	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
210	7	Vũ Trinh Vương	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
211	8	Phạm Văn Trường	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				ĐHNN
212	9	Nguyễn Thảo Trang	Khoa Kinh tế	Giảng viên	94		x			ĐHNN
213	10	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế	Giảng viên	91		x			ĐHNN
214	11	Nguyễn Thanh Phương	Khoa Kinh tế	Giảng viên	95		x			
215	12	Nguyễn Văn Hóa	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
216	13	Phạm Thị Oanh	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	101	x				
217	14	Nguyễn Đức Quyền	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
218	15	Đỗ Thị Thanh Xuân	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				
219	16	Đặng Thị Thu Vân	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				
220	17	Phan Thanh Chung	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				ĐHNN
221	18	Trịnh Thị Thủy	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	90		x			
222	19	Phan Thúy An	Khoa Kinh tế	Giảng viên	103	x				
223	20	Đặng Thị Nhung	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	101	x				
224	21	Bùi Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế	Giảng viên	90		x			ĐHNN
225	22	Nguyễn Thị Tuyền	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
226	23	Nguyễn Ngọc Thắng	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				
227	24	Nguyễn Văn Đạt	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				
228	25	Từ Thị Thanh Hiệp	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				
229	26	Huỳnh Thị Nga	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
230	27	Nguyễn T.Thanh Nguyên	Khoa Kinh tế	Giảng viên	105	x				
231	28	Lê Thanh Hà	Khoa Kinh tế	Giảng viên	103	x				
232	29	Phan Thị Thuý	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
233	30	Lê Việt Anh	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
234	31	Hà Thị Kim Duyên	Khoa Kinh tế	Giảng viên	105	x				
235	32	Phạm Thảo Vy	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
236	33	Phạm Nghiêm Hồng Ngọc Bích	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
237	34	Đỗ Mạnh Hoàng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	90		x			ĐHNN
238	35	Võ Thị Hồng Diễm	Khoa Kinh tế	Giảng viên	90		x			ĐHNN
239	36	Bùi Thị Hiền	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	106	x				
240	37	Nguyễn Thị Phương Thảo (B)	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	105	x				
241	38	Vũ Nhật Phương	Khoa Kinh tế	Bí thư Đoàn	104	x				
242	39	Nguyễn Hà Hồng Anh	Khoa Kinh tế	Giảng viên	105	x				
243	40	Nguyễn Thị Trà Giang	Khoa Kinh tế	Giảng viên	104	x				
244	41	Nguyễn Thị Đức Hiếu	Khoa Kinh tế	Giảng viên	98		x			
245	42	Trần Thị Tuyền	Khoa Kinh tế	Chuyên viên	101	x				
246	43	Bùi Thị Thanh Thùy	Khoa Kinh tế	Giảng viên	104	x				
247	44	Nguyễn Thị Thanh Tý	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
248	45	Trương Ngọc Hằng	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	101	x				
249	46	Nguyễn T. Phương Thảo A	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	101	x				
250	47	Trần Thị Lan	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
251	48	Dương Minh Ngọc	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	101	x				ĐHNN
252	49	Bùi Thị Thu Hằng	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	104	x				
253	50	Trần Thị Ngọc Hạnh	Khoa Kinh tế	Giảng viên chính	102	x				
254	51	Phạm Thanh Hùng	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				
255	52	Nguyễn T. Bích Ngọc	Khoa Kinh tế	Giảng viên	102	x				
256	53	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Khoa Kinh tế	Giảng viên	101	x				
257	1	Nguyễn Văn Bông	Khoa KHTN&CN	Trưởng khoa	102	x				
258	2	Ngô Đình Quốc	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	105	x				Hưu T11
259	3	Trần Thanh Tùng	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	100		x			
260	4	Nguyễn Ngọc Huệ	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	101	x				
261	5	Phạm Hữu Khánh	Khoa KHTN&CN	Phó Trưởng Khoa	102	x				
262	6	Mai Quốc Vũ	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	100		x			
263	7	Nguyễn Thị Ngân	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	100		x			
264	8	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
265	9	Đinh Thị Xinh	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	100		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
266	10	Dương Quốc Huy	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
267	11	Đoàn Thị Thúy Vân	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	104	x				
268	12	Lê Bá Thông	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	102	x				
269	13	H Ru Đa Niê	Khoa KHTN&CN	Giảng viên						ĐHNN
270	14	Lê Minh Tân	Khoa KHTN&CN	Trưởng BM	102	x				
271	15	Phùng Thị Tổ Loan	Khoa KHTN&CN	Phó bộ môn	102	x				
272	16	Võ Văn Viên	Khoa KHTN&CN	Giảng viên cao cấp	106	x				
273	17	Phùng Nguyễn Thái Hằng	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
274	18	Nguyễn Thị Thanh Hương	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
275	19	Nguyễn Thị Hiền	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
276	20	Trần Quốc Lâm	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	102	x				
277	21	Hoàng Thị Kim Tuyến	Khoa KHTN&CN	Giảng viên						ĐHNN
278	22	Tôn Thất Trường Nam	Khoa KHTN&CN	Kỹ thuật viên	100		x			
279	23	Nguyễn Thị Lương	Khoa KHTN&CN	Kỹ thuật viên	100		x			
280	24	Nguyễn Thị Như	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	105	x				
281	25	Nguyễn Quốc Cường	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	101	x				
282	26	Trương Thị Hương Giang	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	95		x			
283	27	Phan Thị Đài Trang	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	94		x			
284	28	Nguyễn Đức Thắng	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
285	29	Trần Xuân Thắng	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	104	x				
286	30	Hoàng Quang Du	Khoa KHTN&CN	Chuyên viên	96		x			
287	31	Phan Tứ Quý	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	101	x				
288	32	Ngũ Trường Nhân	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	101	x				
289	33	Phạm Thị Bé	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	101	x				
290	34	Đặng Thị Thùy My	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
291	35	Đàm Thị Bích Hạnh	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	96		x			
292	36	Ninh Thị Minh Giang	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
293	37	Phan Thị Thu Hà	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	100		x			
294	38	Phạm Thị Huyền Thoa	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
295	39	Đoàn Thị Cơ Thường	Khoa KHTN&CN	Kỹ thuật viên	100		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
296	40	Hoàng Phạm Hùng Quang	Khoa KHTN&CN	Chuyên viên	101	x				
297	41	Trần Thị Phương Hạnh	Khoa KHTN&CN	Trưởng BM	101	x				
298	42	Nguyễn Thị Thu	Khoa KHTN&CN	Phó bộ môn	101	x				
299	43	Nguyễn Thị Thanh	Khoa KHTN&CN		101	x				
300	44	Bùi Thị Quỳnh Hoa	Khoa KHTN&CN		102	x				
301	45	Nguyễn Thị Thủy	Khoa KHTN&CN		101	x				
302	46	Trương Bá Phong	Khoa KHTN&CN		101	x				
303	47	Phạm Thị Phương	Khoa KHTN&CN		102	x				
304	48	Nguyễn Thế Mạnh	Khoa KHTN&CN		102	x				
305	49	Trịnh Thị Huyền Trang	Khoa KHTN&CN		102	x				
306	50	Nguyễn Thị Tình	Khoa KHTN&CN		102	x				
307	51	Trần Thị Thanh Thảo	Khoa KHTN&CN		102	x				
308	52	Nguyễn Minh Trung	Khoa KHTN&CN		100		x			
309	53	Nguyễn Hữu Kiên	Khoa KHTN&CN		101	x				
310	54	Trần Thị Kim Thi	Khoa KHTN&CN		101	x				
311	55	Vũ Bích Thủy	Khoa KHTN&CN		100		x			
312	56	Đoàn Chiến Thắng	Khoa KHTN&CN							ĐHNN
313	57	Đặng Thị Thanh Hà	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
314	58	Trần Trung Dũng	Khoa KHTN&CN	Giảng viên cao cấp	105	x				
315	59	Phan Thị Thục Uyên	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	102	x				
316	60	Lê Thị Thúy Loan	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
317	61	Đoàn Thị Thúy Huỳnh	Khoa KHTN&CN	Giảng viên	101	x				
318	62	Nguyễn Hoàng Phương	Khoa KHTN&CN	Giảng viên chính	83			x		
319	63	Trần Thị Ngọc	Khoa KHTN&CN	Giảng viên						ĐHNN
320	64	Dương Thị Hải Ninh	Khoa KHTN&CN	Kỹ thuật viên	101	x				
321	1	Nguyễn Thị Kim Phụng	Khoa Ngoại Ngữ	Phó Trưởng Khoa	102	x				
322	2	Bùi Thị Tịnh	Khoa Ngoại Ngữ	Trưởng bộ môn	103	x				
323	3	Cù Thị Ngọc Hoa	Khoa Ngoại Ngữ	Phó bộ môn	95		x			
324	4	Nguyễn Thị Tường Như	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	93		x			
325	5	Lê Thị Hồng Vân	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên chính	103	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
326	6	Ngô Hà Thanh	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	90		x			
327	7	Trần Thị Mai Hương	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	100		x			
328	8	Nguyễn Lê Hằng	Khoa Ngoại Ngữ	TBM; GVC	101	x				
329	9	Hoàng Thị Xuân	Khoa Ngoại Ngữ	Phó Trưởng Khoa	102	x				
330	10	Y Cuôr Bkrông	Khoa Ngoại Ngữ	Phó bộ môn	104	x				
331	11	Thân Thị Hiền Giang	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	100		x			
332	12	Đoàn Thị Dung	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	101	x				
333	13	Hà Lê Hồng Hoa	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	100		x			
334	14	Hoàng Khánh Bảo	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	104	x				ĐHNN
335	15	Tổng Thị Lan Chi	Khoa Ngoại Ngữ	Trưởng bộ môn	102	x				
336	16	Hồ Ngọc Đoan Thư	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	98		x			
337	17	Trần Lê Thanh Tú	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	102	x				
338	18	Trần Ngọc Anh	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	104	x				
339	19	Nguyễn Thiện Khoa	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	102	x				
340	20	Phạm Thị Thanh Huệ	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	98		x			ĐHNN
341	21	Hoàng Minh Thu Hương	Khoa Ngoại Ngữ	Trưởng bộ môn	103	x				
342	22	Nguyễn Thị Mỹ Liên	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên chính	102	x				
343	23	Đoàn Nam Văn	Khoa Ngoại Ngữ	Chuyên viên	101	x				
344	24	Rơ Lan A Nhi	Khoa Ngoại Ngữ	Giảng viên	101	x				
345	1	Lê Đình Nam	Khoa NLN	P. Trưởng khoa	96		x			
346	2	Alaine Alio	Khoa NLN	Giảng viên	90		x			
347	3	Đỗ Thị Kiều An	Khoa NLN	Trưởng Bộ môn, GVC	101	x				
348	4	Chung Như Anh	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			
349	5	Nguyễn Xuân An	Khoa NLN	Giảng viên chính	100		x			
350	6	Ngô Đăng Duyên	Khoa NLN	Phó bộ môn	95		x			
351	7	Mai Thị Hải Anh	Khoa NLN	Giảng viên chính	100		x			
352	8	Trần Trọng Bắc	Khoa NLN	Giảng viên chính	96		x			
353	9	Hồ Đình Bảo	Khoa NLN	Giảng viên	103	x				
354	10	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa NLN	Trưởng bộ môn,	95		x			ĐHNN
355	11	Trần Thanh Bình	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
356	12	Nguyễn Thị Hương Cẩm	Khoa NLN	Giảng viên	100		x			
357	13	Lê Cao Linh Chi	Khoa NLN	Giảng viên	99		x			
358	14	Nguyễn Thúy Cường	Khoa NLN	Giảng viên	105	x				ĐHNN
359	15	Nguyễn Thị Đào	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			
360	16	Nguyễn Đức Định	Khoa NLN	Giám đốc TT	94		x			
361	17	Trần Ngọc Duyên	Khoa NLN	Trưởng Bộ môn, GVC	100		x			
362	18	Trần Thị Thu Hà	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	92		x			
363	19	Phan Thị Hằng	Khoa NLN	Giảng viên chính	95		x			
364	20	Nguyễn Thị Hằng	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	95		x			
365	21	Hồ Thị Hào	Khoa NLN	Phó bộ môn	101	x				
366	22	Cao Thị Hoài	Khoa NLN	Giảng viên chính	103	x				
367	23	Phan Thị Thanh Hoài	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			ĐHNN
368	24	Trần Thị Huế	Khoa NLN	Giảng viên chính	101	x				
369	25	Võ Hùng	Khoa NLN	Trưởng Bộ môn, GVC	95		x			
370	26	Nguyễn Thị Thanh Hương	Khoa NLN	Trưởng Bộ môn, PGS.TS	106	x				
371	27	Nguyễn Ngọc Hữu	Khoa NLN	Phó bộ môn	102	x				
372	28	Trần Quang Huy	Khoa NLN	Trợ lý khoa	94		x			
373	29	Trần Thy Minh Kiều	Khoa NLN	Giảng viên	96		x			ĐHNN
374	30	Triệu Thị Lắng	Khoa NLN	Giảng viên chính	101	x				
375	31	Cao Thị Lý	Khoa NLN	Phó Trưởng Khoa	100		x			
376	32	Nguyễn Văn Minh	Khoa NLN	Phó Trưởng Khoa	105	x				
377	33	Vũ Hải Nam	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			
378	34	Lê Nguyễn Tiểu Ngọc	Khoa NLN	Giảng viên	96		x			
379	35	Đặng Thành Nhân	Khoa NLN	Giảng viên	92		x			
380	36	Lê Thị Thùy Ninh	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			
381	37	Trần Thị Xuân Phần	Khoa NLN	Giảng viên	94		x			
382	38	Trần Thị Phượng	Khoa NLN	Giảng viên chính	101	x				
383	39	Trang Thị Nguyệt Quế	Khoa NLN	Giảng viên	101	x				
384	40	Phạm Đoàn Phú Quốc	Khoa NLN	Phó bộ môn	95		x			
385	41	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Khoa NLN	Giảng viên chính	102	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
386	42	Nguyễn Văn Sanh	Khoa NLN	Phó bộ môn	103	x				Hưu T10
387	43	Ngô Thế Sơn	Khoa NLN	Phó bộ môn	102	x				
388	44	Phan Văn Tân	Khoa NLN	Giảng viên cao cấp	101	x				Hưu T11
389	45	Nguyễn Thị Thảo	Khoa NLN	Giảng viên	101	x				
390	46	Trần Đình Thế	Khoa NLN	Phó bộ môn	102	x				
391	47	Nguyễn Quang Thông	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	95		x			Hưu T10
392	48	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	94		x			
393	49	Đỗ Tiến Thuận	Khoa NLN	Giảng viên chính	97		x			
394	50	Trần Thị Biên Thùy	Khoa NLN	Giảng viên	95		x			
395	51	Nguyễn Thị Tình	Khoa NLN	Giảng viên	99		x			
396	52	Trần Thị Lệ Trà	Khoa NLN	Giảng viên	104	x				
397	53	Nguyễn Tuấn	Khoa NLN	Giảng viên	96		x			
398	54	Mai Thị Kim Tuyến	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	95		x			
399	55	Nguyễn Thị Vân	Khoa NLN	Giảng viên	100		x			
400	56	Nguyễn Xuân Vững	Khoa NLN	Trưởng Bộ môn, GVC	101	x				
401	57	Trình Công Huyền Vy	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	95		x			
402	58	Võ Hải Yến	Khoa NLN	Kỹ thuật viên	95		x			
403	1	Trương Thị Hiền	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	101	x				
404	2	Vũ Trọng Hào	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	100		x			
405	3	Đinh Thị Trang	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	95		x			
406	4	Vũ Thị Kim Giang	Khoa Sư Phạm	Chuyên viên	102	x				
407	5	Nguyễn Xuân Tuyến	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	90		x			
408	6	Trần Thị Lệ	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
409	7	Bùi Trần Tuyết Hạnh	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	100		x			
410	8	Vũ Minh Chiến	Khoa Sư Phạm	Giám đốc TT	102	x				
411	9	Nông Văn Ngoan	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	92		x			
412	10	Lưu Thị Dịu	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				
413	11	Đinh Thị Xuân Thảo	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				
414	12	Nguyễn Thị Yến Nhung	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	91		x			
415	13	Thái Thị Hoài An	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
416	14	Vũ Hoàng Cúc	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	101	x				
417	15	Trần Thị Thắm	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				
418	16	Vũ Minh Thu	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	100		x			
419	17	Bùi Thị Tâm	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				
420	18	Lê Thị Thúy An	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	102	x				
421	19	Trần Tấn Hải	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
422	20	Bùi Thị Phương Thảo	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
423	21	Lê Thị Cẩm Lệ	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
424	22	Nguyễn Hữu Hiếu	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
425	23	Nguyễn Thị Thu Trang	Khoa Sư Phạm	Chuyên viên	100		x			
426	24	Vũ Thị Vân	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	105	x				
427	25	Lê Quang Hùng	Khoa Sư Phạm		101	x				
428	26	Nguyễn Thị Ánh Mai	Khoa Sư Phạm		101	x				
429	27	Lê Thị Thảo Nguyên	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
430	28	Nguyễn Thị Kim Hồng	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	104	x				
431	29	Hoàng Lê Anh Ly	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
432	30	Triệu Văn Thịnh	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	105	x				
433	31	Phan Thị Tâm Thanh	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	100		x			
434	32	Hoàng Thị Thúy	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	101	x				
435	33	Phạm Hùng Mạnh	Khoa Sư Phạm	Trưởng Bộ môn	101	x				
436	34	Chu Vương Thìn	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
437	35	Nguyễn Thiện Tín	Khoa Sư Phạm	Giảng viên chính	101	x				
438	36	Đỗ Thị Thùy Linh	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
439	37	Bùi Thị Thủy	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
440	38	Y Rô Bi Bkrông	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	103	x				
441	39	Vũ Đình Công	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
442	40	Trần Thị Thu	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	101	x				
443	41	Phạm Thế Hùng	Khoa Sư Phạm	Trưởng Bộ môn	101	x				
444	42	Phạm Xuân Trí	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				
445	43	Trần Văn Hưng	Khoa Sư Phạm	Giảng viên	102	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
446	44	Lê Tử Trường	Khoa Sư Phạm	Phó Trưởng Khoa	103	x				
447	1	Văn Tiến Dũng	Phòng KH&QHQT	Giảng viên cao cấp	102	x				
448	2	Đào Xuân Thu	Phòng KH&QHQT	Giảng viên chính	102	x				
449	3	Nguyễn Đình Sỹ	Phòng KH&QHQT	Giảng viên	102	x				
450	4	Lê Thụy Vân Nhi	Phòng KH&QHQT	Chuyên viên chính	102	x				
451	5	Võ Thị Thu Nguyệt	Phòng KH&QHQT	Chuyên viên	102	x				
452	6	Y Zina Ksor	Phòng KH&QHQT	Chuyên viên	102	x				
453	7	Trần Thị Minh Hà	Phòng KH&QHQT	Giảng viên	101	x				
454	1	Võ Hồng Sinh	Phòng TCCB	Trưởng phòng	100		x			
455	2	Ngô Thị Hiếu	Phòng TCCB	Phó Trưởng phòng	102	x				
456	3	Nguyễn Văn Minh	Phòng TCCB	Chuyên viên chính	101	x				
457	4	Lê Thị Thu Sa	Phòng TCCB	Giảng viên chính	101	x				
458	5	Lê Thị Kim Tuyến	Phòng TCCB	Chuyên viên	102	x				
459	6	Hoàng Quang Duy	Phòng TCCB	Giảng viên chính	102	x				
460	7	Nguyễn Thanh Tùng	Phòng TCCB	Chuyên viên chính	102	x				
461	8	Đinh Thị Kiều Loan	Phòng TCCB	Giảng viên chính	102	x				
462	9	Mã Thị Kim Hà	Phòng TCCB	Chuyên viên	101	x				
463	1	Nguyễn P.Đại Nguyên	P. Đào tạo đại học	TP	105	x				
464	2	Đặng Thị Thúy Kiều	P. Đào tạo đại học	Phó Trưởng phòng	102	x				
465	3	Trần Quỳnh Mai	P. Đào tạo đại học	Giảng viên	98		x			
466	4	Trương Thu Trang	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	95		x			
467	5	Đỗ Thị Anh	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	100		x			
468	6	Lê Thành Công	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên chính	97		x			
469	7	Phạm Thanh Thế	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	100		x			
470	8	Nguyễn Thị Diệu	P. Đào tạo đại học	Giảng viên	99		x			
471	9	Nguyễn Thị Vân Linh	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	98		x			
472	10	Trương Hải	P. Đào tạo đại học	Phó Trưởng phòng	101	x				
473	11	Vũ Bằng Hanh	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	98		x			
474	12	Nguyễn Trung Hiếu	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	98		x			
475	13	Nguyễn Hoài Nam	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	98		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
476	14	Trần Văn Tài	P. Đào tạo đại học	Chuyên viên	98		x			
477	1	Nguyễn Thanh Tân	P. Thanh tra Pháp chế	Giảng viên chính	96		x			
478	2	Nguyễn Trường Tam	P. Thanh tra Pháp chế	Giảng viên	100		x			
479	3	Đỗ Thị Bông	P. Thanh tra Pháp chế	Giảng viên	102	x				
480	4	La Đức Tùng	P. Thanh tra Pháp chế	Chuyên viên	101	x				
481	5	Nguyễn Hải Đăng	P. Thanh tra Pháp chế	Giảng viên	101	x				
482	6	Nguyễn Thị Nguyên Vân	P. Thanh tra Pháp chế	Chuyên viên	101	x				
483	1	Phạm Trọng Lượng	Phòng CTSV	Trưởng phòng	101	x				
484	2	Y Tú Niê	Phòng CTSV	Phó Trưởng phòng	101	x				
485	3	Tạ Xuân Bảy	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
486	4	Đinh Ta Ri Na	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
487	5	Nguyễn Nguyên Viễn	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
488	6	Nguyễn Văn Thanh	Phòng CTSV	Phó Bí thư Đoàn	102	x				
489	7	Phạm Thị Ngọc Anh	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
490	8	Phan Xuân Thọ	Phòng CTSV	Chuyên viên	98		x			
491	9	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
492	10	Mai Thị Hiên	Phòng CTSV	Tổ trưởng CD	98		x			
493	11	Trương Quỳnh Như	Phòng CTSV	Chuyên viên	97		x			
494	1	Phạm Văn Thành	Phòng CSVC	Trưởng phòng	94		x			
495	2	Phạm Quốc Duy	Phòng CSVC	Phó phòng	103	x				
496	3	Trần Thiên Khôi	Phòng CSVC	Phó phòng	101	x				
497	4	Nguyễn Văn Ba	Phòng CSVC	Chuyên viên	102	x				
498	5	Võ Văn Hào	Phòng CSVC	Nhân viên	97		x			
499	6	Nguyễn Việt Hưng	Phòng CSVC	Nhân viên	97		x			
500	7	Nguyễn Quý Bảo	Phòng CSVC	Kỹ sư	93		x			
501	8	Hà Minh Tuấn	Phòng CSVC	Kỹ sư	98		x			
502	9	Nguyễn Văn Thắng	Phòng CSVC	Chuyên viên	95		x			
503	10	Trần Văn Đức	Phòng CSVC	Kỹ sư	95		x			
504	11	Nguyễn Thị Hải	Phòng CSVC	Nhân viên	92		x			
505	12	Phạm Thị Thắm	Phòng CSVC	Nhân viên	92		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
506	13	Nguyễn Thị Anh Đào	Phòng CSVC	Nhân viên	95		x			
507	14	Trần Thanh Trúc	Phòng CSVC	Nhân viên	94		x			
508	15	Vũ Thị Hoa	Phòng CSVC	Nhân viên	95		x			
509	16	Đặng Thị Huyền	Phòng CSVC	Nhân viên	92		x			
510	17	Lê Thị Thu Thuận	Phòng CSVC	Nhân viên	90		x			
511	18	Nguyễn Tuấn Hùng	Phòng HCTH	Trưởng phòng	102	x				
512	19	Nguyễn T.Thanh Vân	Phòng HCTH	Phó Trưởng phòng	102	x				
513	20	Võ Xuân Hội	Phòng HCTH	Phó Trưởng phòng	105	x				
514	21	Trần Thị Huyền	Phòng HCTH	Chuyên viên	101	x				
515	22	Đỗ Thị Hà	Phòng HCTH	Lưu trữ viên	101	x				
516	23	Lý Thị Tuyết Nhung	Phòng HCTH	Kế toán viên	101	x				
517	24	Lê Đăng Khoa	Phòng HCTH	Lái xe cơ quan	100		x			
518	25	Trịnh Văn Xuân	Phòng HCTH	Lái xe cơ quan	100		x			
519	26	Nguyễn Văn Bình	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
520	27	Trần Văn Cao	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
521	28	Nguyễn Ngọc Đạm	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
522	29	Ninh Sùu Lâm	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
523	30	Vũ Văn Luyện	Phòng HCTH	Nhân viên	101	x				
524	31	Bùi Văn Mạnh	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
525	32	Vương Văn Thiết	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
526	33	Hoàng Đình Vân	Phòng HCTH	Nhân viên	100		x			
527	34	Trần Thị Hương Thảo	Phòng HCTH	Chuyên viên	100		x			
528	1	Vũ Thị Giang	Thư viện	Giám đốc	99		x			
529	2	Lê Minh Hiến	Thư viện	P. Giám đốc	100		x			
530	3	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thư viện	Thư viện viên	100		x			
531	4	Hà Ngọc Hồi	Thư viện	Thư viện viên	92		x			
532	5	Nguyễn Văn Khương	Thư viện	Chuyên viên	96		x			
533	6	Nguyễn Thị Lành	Thư viện	Thư viện viên	102	x				
534	7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thư viện	Thư viện viên	95		x			
535	8	Nguyễn Thị Thúy	Thư viện	Thư viện viên	98		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
536	9	Võ Huyền Trang	Thư viện	Thư viện viên	80			x		
537	10	Vũ Đình Trung	Thư viện	Thư viện viên	94		x			
538	11	Trần Thị Lê Vân	Thư viện	Thư viện viên	102	x				
539	12	Phạm Thị Miện	Thư viện	Phục vụ	100		x			
540	1	Bùi Ngọc Tân	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Giám đốc TT	105	x				
541	2	Trần Đình Tĩnh	TT. Hỗ trợ Sinh viên	P. Giám đốc	90		x			Huru T9
542	3	Dương Công Thọ	TT. Hỗ trợ Sinh viên	P. Giám đốc	98		x			
543	4	Phan Văn Khương	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Chuyên viên	96		x			
544	5	Mai Văn Lan	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Chuyên viên	94		x			
545	6	Phan Thị Thắm	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Chuyên viên	97		x			
546	7	Nguyễn Văn Quang	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Chuyên viên	95		x			
547	8	Nguyễn Hồng Tiến	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Nhân viên	94		x			
548	9	Nguyễn T Minh Hòa	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Nhân viên	94		x			
549	10	Nguyễn Thị Nho	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Nhân viên	93		x			
550	11	Nguyễn Thị Nguyệt	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Nhân viên	95		x			
551	12	Nguyễn Anh Tuấn	TT. Hỗ trợ Sinh viên	Nhân viên	95		x			
552	1	Huỳnh Văn Quốc	P. Quản lý chất lượng	TP, GVC	101	x				
553	2	Trần Thị Giang	P. Quản lý chất lượng	Phó Trưởng phòng	105	x				
554	3	Lý Ngọc Tuyên	P. Quản lý chất lượng	Giảng viên	102	x				
555	4	Ngũ Thị Nhung	P. Quản lý chất lượng	Chuyên viên	95		x			
556	5	Đặng Thị Tuyết Lan	P. Quản lý chất lượng	Chuyên viên	95		x			
557	6	Nguyễn Tiến Dân	P. Quản lý chất lượng	Chuyên viên	95		x			
558	7	Trần Minh Trí	P. Quản lý chất lượng	Chuyên viên	95		x			
559	8	Trần Văn Cường	P. Quản lý chất lượng	Giảng viên	101	x				
560	1	Phạm Văn Thuận	TT Thông tin	Giám đốc TT	103	x				
561	2	Đặng Quốc Huy	TT Thông tin	Chuyên viên	102	x				
562	3	Nguyễn Thạch Cương	TT Thông tin	Chuyên viên	102	x				
563	4	Phạm Thị Trang	TT Thông tin	Giảng viên	100		x			
564	5	Đậu Thị Thúy Hoàn	TT Thông tin	Chuyên viên	98		x			
565	1	Nguyễn Văn Mười	TT. GDQP&AN	PGD	101	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
566	2	Phạm Huy Tựa	TT. GDQP&AN	PGĐ	97		x			
567	3	Nguyễn Trọng Hằng	TT. GDQP&AN	TB ĐT&QLSV	97		x			
568	4	Doãn Anh Tuấn	TT. GDQP&AN	TBM QS	94		x			
569	5	Lê Viết Quỳnh	TT. GDQP&AN	TBM CT	98		x			
570	6	Trần Văn Hùng	TT. GDQP&AN	Giảng viên	98		x			
571	7	Trần Quốc Yên	TT. GDQP&AN	Giảng viên	98		x			
572	8	Lê văn Đoài	TT. GDQP&AN	Giảng viên	102	x				
573	9	Khúc Đình Tân	TT. GDQP&AN	Giảng viên	96		x			
574	10	Nguyễn Việt Hồng	TT. GDQP&AN	TBHC-KT	99		x			
575	11	Đỗ Đình Huy	TT. GDQP&AN	Chuyên viên	97		x			
576	12	Lê Văn Long	TT. GDQP&AN	Nhân viên	87			x		
577	13	Vũ Mạnh Cường	TT. GDQP&AN	Chuyên viên	94		x			
578	14	Đình Thị Ánh Tuyết	TT. GDQP&AN	Nhân viên	92		x			
579	1	Nguyễn Hữu Dẫn	Trường THPT THCN	Hiệu trưởng	100		x			
580	2	Lại Văn Vãn	Trường THPT THCN	Tổ trưởng	100		x			
581	3	Trương Thị Tuyết	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
582	4	Võ Thị Đức Anh	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
583	5	Mai Thị Quế Trâm	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
584	6	Lê Thị Hương	Trường THPT THCN	Nhân viên	100		x			
585	7	Đặng Văn Thuyết	Trường THPT THCN	Nhân viên	100		x			
586	8	Nguyễn Hồng Như	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
587	9	Phan Mạnh Tiến	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
588	10	Phạm Thị Thu Huyền	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
589	11	Lương Văn Hà	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
590	12	Đoàn Tiến Dũng	Trường THPT THCN	Tổ trưởng	100		x			
591	13	Vũ Thị Phương Dung	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
592	14	Hoàng Thị Thúy Nga	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
593	15	Phạm Văn Ngụ	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
594	16	Trần Thị Hồng Nhung	Trường THPT THCN	Tổ trưởng	100		x			
595	17	Lê Thị Diệu Bình	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
596	18	Vũ Thu Trang	Trường THPT THCN	Giáo viên	98		x			
597	19	Trần Đình Tráng	Trường THPT THCN	Giáo viên	99		x			
598	20	Nguyễn Thị Danh	Trường THPT THCN	Tổ trưởng	98		x			
599	21	Nguyễn Tiến Chương	Trường THPT THCN	Phó Hiệu trưởng	100		x			
600	22	Nguyễn Thị Thanh Bình	Trường THPT THCN	Giáo viên	99		x			
601	23	Nguyễn Minh Lịch	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
602	24	Phạm Thị Huyền Trang	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
603	25	Phan Trung Hiếu	Trường THPT THCN	Tổ trưởng	100		x			
604	26	Nguyễn Thị Thu Hồng	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
605	27	Nguyễn Thanh Kim Huệ	Trường THPT THCN	Giáo viên	97		x			
606	28	Lý Thị Hà Phương	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
607	29	Trần Thị Bích Phương	Trường THPT THCN	Giáo viên	100		x			
608	30	Vũ Thị Phương	Trường THPT THCN	Bí thư đoàn trường	99		x			
609	1	Trương Thông Tuấn	TT. KHXH&NVTN	Giảng viên chính	103	x				
610	2	Buôn K. Thị Tuyết Nhung	TT. KHXH&NVTN	Giảng viên cao cấp	105	x				
611	3	Trần Thị Lệ Thanh	TT. KHXH&NVTN	Giảng viên chính	100	x				
612	4	H Wen Alio	TT. KHXH&NVTN	Giảng viên	95		x			
613	5	Y Nei Rahlan	TT. KHXH&NVTN	Giảng viên	90		x			
614	1	Trần Thị Thùy Trang	Trường mầm non 11-11	Giảng viên chính	101	x				
615	1	Hồ Thị Phượng	Trung tâm NNTH	Giám đốc	95		x			
616	2	Trần Quang Nhật	Trung tâm NNTH	Chuyên viên	96		x			
617	3	Vũ Anh Tuấn	Trung tâm NNTH	Chuyên viên	95		x			
618	4	Phạm Thị Nga	Trung tâm NNTH	Chuyên viên	95		x			
619	5	Vũ Xuân Chung	Trung tâm NNTH	Chuyên viên	96		x			
620	1	Lê Thế Phiệt	P.KHTC	GVC	101	x				
621	2	Võ Văn Thành	P.KHTC	Chuyên viên	101	x				
622	3	Nguyễn Thị Nhâm Tý	P.KHTC	Kế toán trưởng	102	x				
623	4	Nguyễn Anh Tuấn	P.KHTC	Kế toán viên	102	x				
624	5	Bùi Thị Sáu	P.KHTC	Kế toán viên	102	x				
625	6	Đặng Thị Ánh	P.KHTC	Kế toán viên	102	x				

Số TT	Stt đơn vị	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ/chức danh	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng Quý III					Ghi chú
					Tổng điểm	XS	T	HTNV	KHTNV	
626	7	Mai Thị Quỳnh Trang	P.KHTC	Kế toán viên	102	x				
627	8	Vương Thị Kim Thoa	P.KHTC	Kế toán viên	101	x				
628	9	Nguyễn Thị Thu Hương	P.KHTC	Kế toán viên	101	x				
629	10	Hán Thị Thùy Trinh	P.KHTC	Kế toán viên	101	x				
630	11	Phạm Nguyễn Quỳnh Trang	P.KHTC	Thủ quỹ	101	x				
631	12	Đàm Thị Ly	P.KHTC	Kế toán viên	60			x		
632	1	Nguyễn Anh Dũng	Viện CNSH&MT	GVCC	105	x				
633	2	Nguyễn Quang Vinh	Viện CNSH&MT	GVCC	110	x				
634	3	Nguyễn Văn Bốn	Viện CNSH&MT	GVC	105	x				
635	4	Trương Hồng Hà	Viện CNSH&MT	GV	97		x			
636	5	Trần Minh Định	Viện CNSH&MT	GV	105	x				
637	6	Nguyễn Thị Minh Huyền	Viện CNSH&MT	Chuyên viên	95		x			

Danh sách gồm 637 người

HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Thanh Trúc
 (Đã ký)